

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 12 - 2021.
V/v “Kiện ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Tổ 2, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt ông P, bà N)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị N kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 27/4/2021. Hai bên gia đình có tổ chức mấy mâm cơm để ra mắt. Trước khi kết hôn do tuổi đã cao, cần người nương tựa nhau lúc ốm đau nên ông không tìm hiểu kỹ càng. Sau khi về chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, do ông tuổi đã cao nên cần có thời gian yên tĩnh thì bà N lại gây mâu thuẫn với ông, cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, cuộc sống không có hạnh phúc. Bà N đã về nhà ở tổ dân phố B,

phường T, thành phố P để sinh sống từ ngày 20/5/2021 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị N.

* Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như ông P trình bày là đúng. Bà xác nhận vợ chồng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng bà đến với nhau là do ông P nhờ bà Ngô Thị C ở tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam làm mối nhưng bà và ông P cũng có thời gian tìm hiểu nhau hơn 05 tháng rồi mới kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông bà chung sống được 16 ngày thì ông P đuổi bà về. Bà xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P gia trưởng, bảo thủ, bênh con dâu, có những lời lẽ không tôn trọng bà; tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng cũng có những lúc xảy ra cãi vã nhưng ông bà đã ngồi lại nói chuyện để hiểu và thông cảm với nhau, việc ông bà cãi vã chỉ là các vấn đề nhỏ nhất của cuộc sống hằng ngày như bao gia đình khác chứ không phải những mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến cuộc sống hôn nhân trầm trọng. Bà đã về nhà tại tổ dân phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam ở từ ngày 06/4/2021 (âm lịch) đến nay, ông P không đến tìm bà cũng không về sống cùng ông P nữa, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay ông P xin ly hôn bà không nhất trí, bà xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung, con nuôi: Ông P và bà N đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Ông P có 02 con riêng đã trưởng thành; bà N có 01 con riêng đã trưởng thành. Ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông bà đều xác định không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, tại phiên hòa giải ngày 23/11/2021 bà N còn trình bày: Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ông P ly hôn với bà theo quy định của pháp luật thì ông P phải có trách nhiệm bồi thường cho bà về việc ông P đánh bà từ ngày 12/5/2021 cho đến nay. Vì ông P là chồng bà nên bà không lấy giấy chứng thương bà chỉ đi viện lấy thuốc; bà yêu cầu ông P phải bồi thường cho bà tổng số tiền là 27.000.000 đồng và có trách nhiệm đưa bà đi chụp chiếu chỗ ông P đánh. Yêu cầu anh C con trai ông P phải bồi thường cho bà về việc phá khóa xe máy (01 xe ga và 01 xe số) của bà bằng tiền, còn cụ thể bao nhiêu tiền thì theo quy định của pháp luật. Yêu cầu chị D là con dâu ông P phải bồi thường cho bà bằng tiền, còn cụ thể bao nhiêu tiền thì theo quy định của pháp luật vì đã xúc phạm bà, đuổi bà ra khỏi nhà và mang đồ đạc của bà sang vỉa hè trước cửa nhà số 16, tổ 2, Quang Trung để.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Lê Văn P giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án, không thay đổi bổ sung gì.

- Bị đơn bà Lê Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì danh dự của người phụ nữ nên bà không nhất trí ly hôn ông P. Ngoài ra bà N còn trình bày:

+ Yêu cầu ông P phải bồi thường cho bà số tiền 136.000.000đ vì đã đánh bà và xúc phạm bà.

+ Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với: Anh C (con trai ông P) đã phá khóa 02 xe máy (01 xe ga và 01 xe số) của bà; chị D (con dâu ông P) đã xúc phạm bà; bà Nghĩa, bà Bắc đã xúc phạm bà.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê Văn P. Xử cho ly hôn giữa ông Lê Văn P và bà Lê Thị N.

+ Bác các yêu cầu khác của đương sự

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông P được miễn nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Lê Văn P có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Lê Thị N có nơi cư trú tại tổ dân phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung: Ông Lê Văn P và bà Lê Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại UBND phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn Ph, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông P, bà N chỉ chung sống với nhau được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, bà N đã về nhà tại tổ dân phố B, phường T sống từ ngày 06/4/2021. Vợ chồng ông bà sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 9 năm 2021 và tại phiên tòa, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà N không nhất trí ly hôn ông P. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy việc giải quyết cho ông bà được ly hôn là cần thiết nên xử cho ly hôn giữa ông Lê Văn P và bà Lê Thị N là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, con nuôi: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết

Con riêng: Ông P và bà N đều có con riêng nhưng đã trưởng thành, ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Ông P và bà N không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, tại phiên tòa bà Lê Thị N yêu cầu ông P phải bồi thường cho bà 136.000.000đ vì đã đánh bà, xúc phạm bà và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với việc anh C (con trai ông P) đã phá khóa 02 xe máy của bà; chị D (con dâu ông P), bà Nghĩa, bà Bắc đã xúc phạm bà.

Xét thấy, những yêu cầu nêu trên của bà N không liên quan đến vụ án ly hôn này; mặt khác bà N không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết những yêu cầu trên của bà N trong vụ án này, nếu bà N yêu cầu và có tài liệu, chứng cứ chứng minh thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông P phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông P là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên ông P được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; các Điều 227; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn nhân giữa ông Lê Văn P và bà Lê Thị N.

2/ Bác các yêu cầu khác của đương sự.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Lê Văn P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông P được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Ông P và bà N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Q, TP Phủ Lý; tỉnh Hà Nam
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân